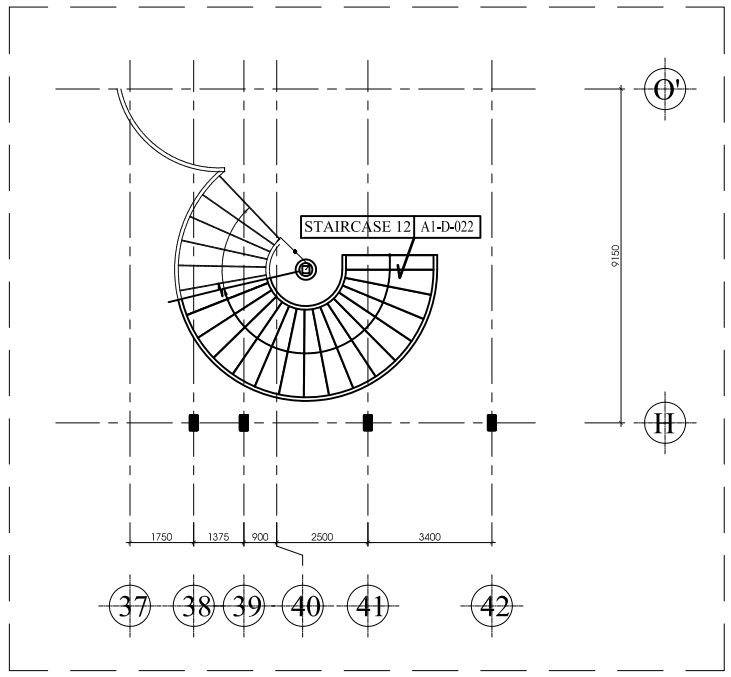

CẦU THANG CT TL : 1/100

STAIRCASE CT SCL : 1/100

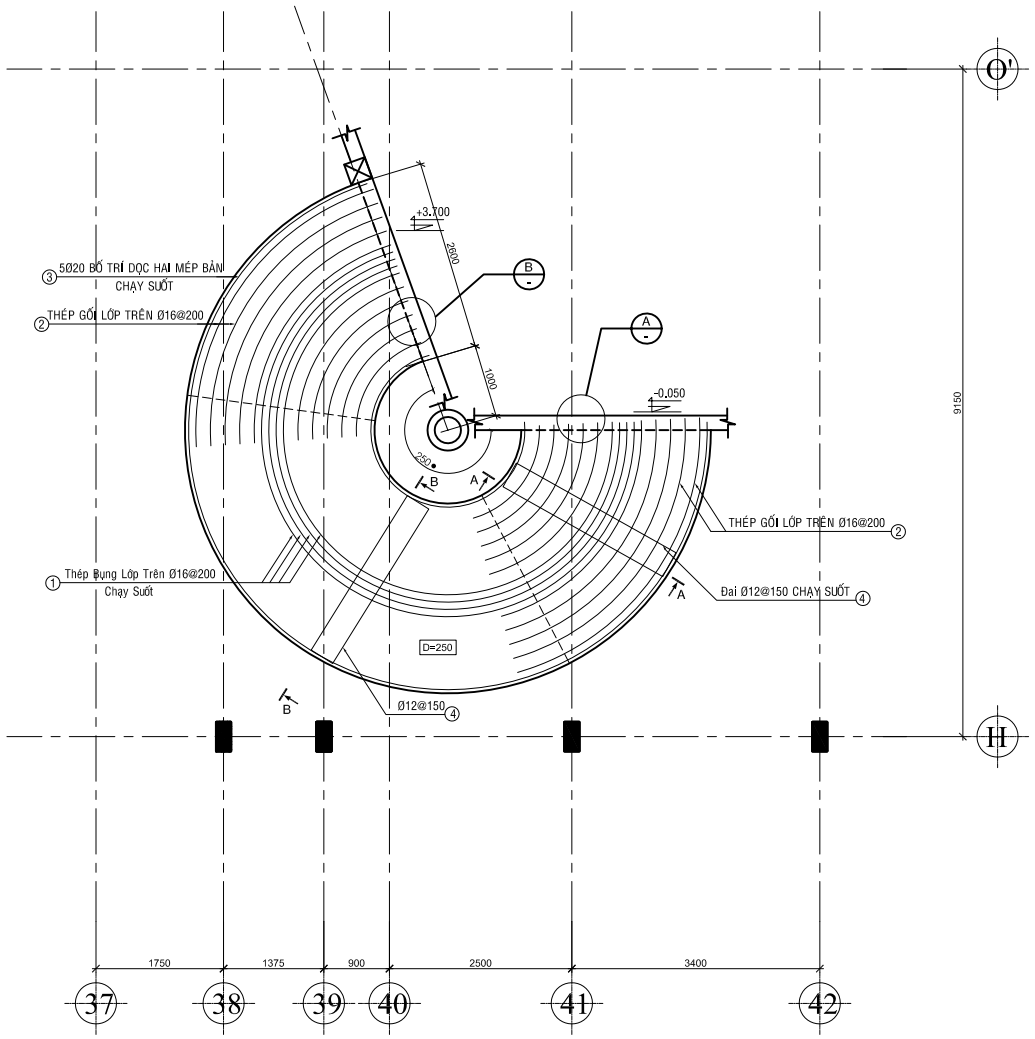

MẶT BẰNG CẦU THANG CT THỂ HIỆN THÉP LỚP TRÊN TL : 1/50

SLAB - TOP REINFORCEMENT STAIRCASE CT SCL : 1/50

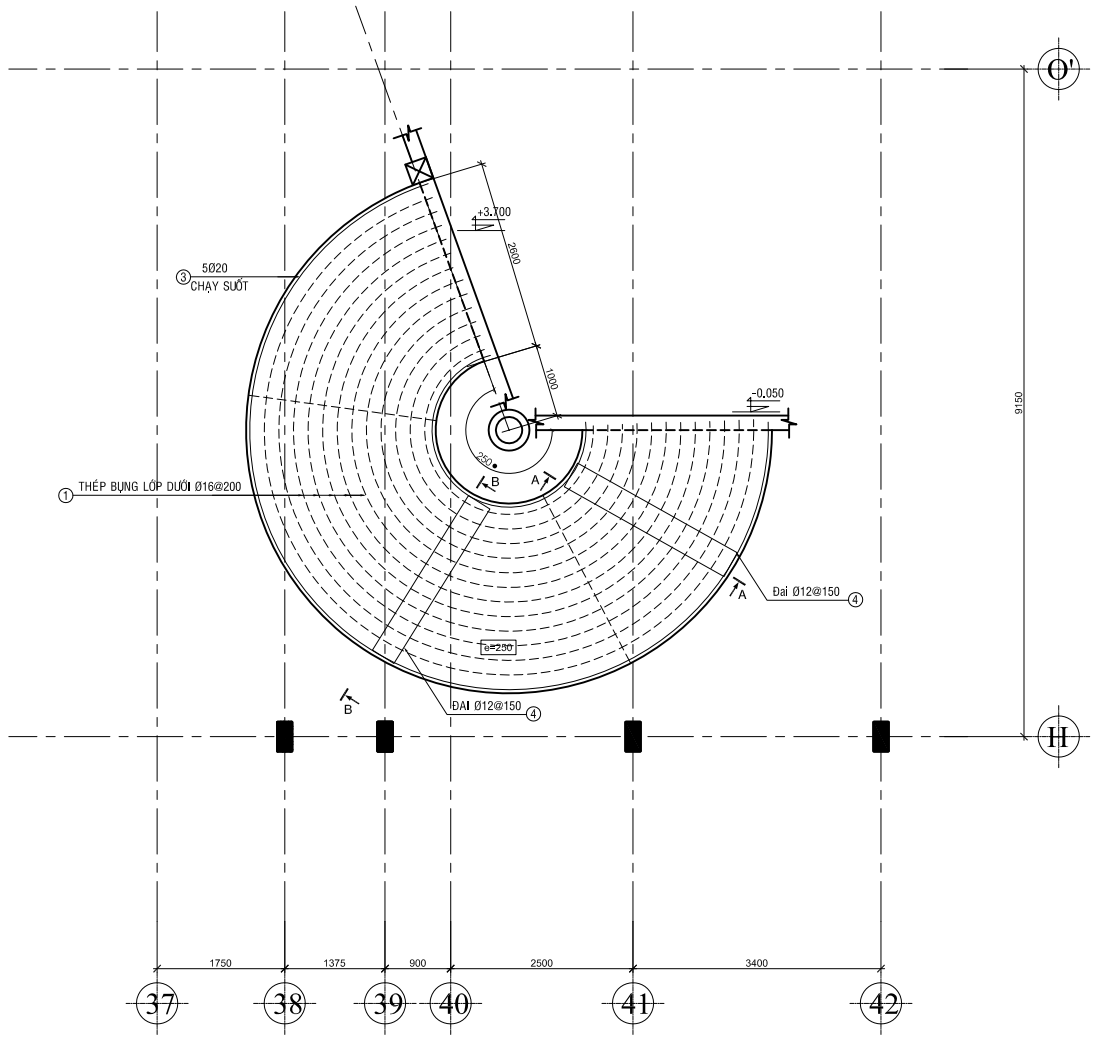

MẶT BẰNG CẦU THANG CT THỂ HIỆN THÉP LỚP DƯỚI TL : 1/50

SLAB - BOTTOM REINFORCEMENT STAIRCASE CT SCL : 1/50

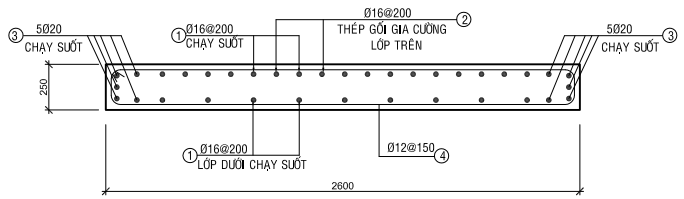

MẶT CẮT A-A TẠI GỐI TL : 1/20

SECTION A-A, AT SUPPORT SCL : 1/20

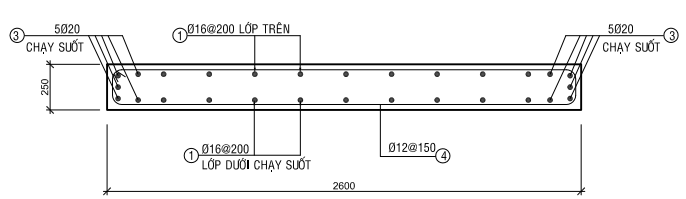

MẶT CẮT B-B, TẠI BỤNG TL : 1/20

SECTION B-B, AT MIDDLE SCL : 1/20

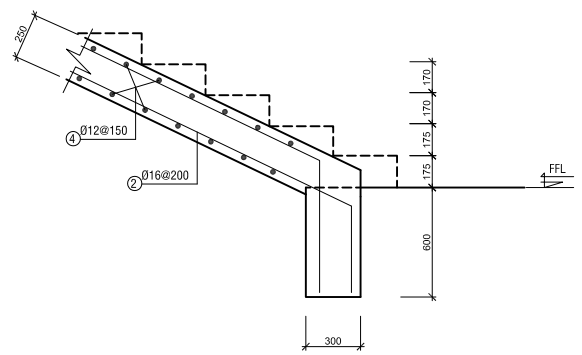

CHI TIẾT A TL : 1/20

DETAIL A SCL : 1/20

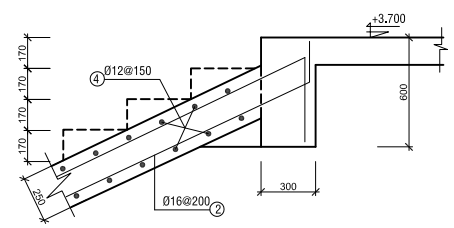

CHI TIẾT B TL : 1/20

DETAIL B SCL : 1/20

GHI CHÚ
GENERAL NOTES

1- BẢN VẼ NÀY SẼ ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI TẤT CẢ CÁC BẢN VẼ KIẾN TRÚC VÀ KỸ THUẬT KHÁC.
2- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ LÀ MILLIMÉT NGOẠI TRỪ CÓ GHI CHÚ KHÁC.
3- VẬT LIỆU
3.1- MÁC BÊ TÔNG CỐT THÉP
- 35 MPA (VỚI XIMĂNG PORTLAND BỀN SULPHATE) CHO MÓNG VÀ NHỮNG KẾT CẤU NGẦM DƯỚI ĐẤT.
- 30 MPA (VỚI XIMĂNG PORTLAND BỀN SULPHATE) CHO CÁC KẾT CẤU BÊN TRÊN KHÁC.
3.2- BÊ TÔNG LÓT ĐÁ 2x4 MÁC 15 MPA
3.3- CỐT THÉP
- Ø≤ 10 : CỐT THÉP TRƠN MÁC SR235 THEO TIÊU CHUẨN JIS G3112-87, CƯỜNG ĐỘ CHẢY DẺO f_y = 235 MPA
- Ø> 10 : CỐT THÉP GỜ MÁC SD390 THEO TIÊU CHUẨN JIS G3112-87, CƯỜNG ĐỘ CHẢY DẺO f_y = 390 MPA
- CHIỀU DÀI CÁC ĐOẠN NỐI CHỒNG VÀ NEO TUÂN THEO TCVN 5574-1991 NẾU KHÔNG CÓ GHI CHÚ KHÁC

1- THIS DRAWING SHALL BE READ IN CONJUNCTION WITH ALL RELEVANT ARCHITECTS & ENGINEERINGS DRAWINGS
2- ALL DIMENSIONS ARE GIVEN IN MILLIMETERS UNLESS NOTED OTHERWISE.
3- MATERIAL
3.1- STRUCTURAL CONCRETE GRADES
- 35 MPA (W SULPHATE RESISTING PORTLAND CEMENT) FOR FOUNDATION AND UNDERGROUND STRUCTURES.
- 30 MPA (W SULPHATE RESISTING PORTLAND CEMENT) FOR OTHER SUPER STRUCTURES.
3.2- LEAN CONCRETE 20x40 GRADE 15 MPA
3.3- REINFORCEMENT
- Ø≤ 10 : GRADE SR235 ROUND MILD STEEL BAR TO JIS G3112-87, f_y = 235 MPA
- Ø> 10 : GRADE SD390 DEFORMED HIGH YIELD BAR TO JIS G3112-87, f_y = 390 MPA
- THE LAP AND ANCHORAGE LENGTHS FOLLOW TCVN 5574-1991 U.N.O.

HIỆU CHỈNH REVISION													